

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 690/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1973

Thường trú: đường HT, tổ 3, khu phố M, phường L, Thành phố T, Thành phố H

Tạm trú: đường KVC, phường LĐ, quận T, Thành phố H

Đại diện ủy quyền: ông Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1980

Địa chỉ: đường HTP, phường TP, Quận 7, Thành phố H

Bị đơn: ông Tôn Hòa A, sinh năm: 1967

Thường trú: đường HT, tổ 3, khu phố M, phường L, Thành phố T, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Tôn Hòa A đã tự nguyện ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2011/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2011 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Tôn Hòa A thỏa thuận đối với việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ HT, tổ 3, khu phố M, phường L, thành phố T, TP.HCM thuộc thửa đất 551, tờ bản đồ số 40, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, TP.HCM (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 816701, vào sổ cấp GCN số: CH 01325 do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) cấp ngày 09/12/2011 như sau:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Tôn Hòa A thỏa thuận giá trị nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số HT, tổ 3, khu phố M, phường L, thành phố T, TP.HCM thuộc thửa đất 551, tờ bản đồ số 40, phường L, thành phố T, TP.HCM là: 3.600.000.000 (ba tỷ sáu trăm triệu) đồng

Giao cho bà Nguyễn Thị Mộng T toàn quyền sở hữu, quản lý quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ số HT, tổ 3, khu phố M, phường L, thành phố T, TP.HCM thuộc thửa đất 551, tờ bản đồ số 40, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, TP.HCM. Bà Nguyễn Thị Mộng T có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Mộng T có trách nhiệm thanh toán cho ông Tôn Hòa A số tiền 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày 29/3/2023.

Kể từ ngày ông Tôn Hòa A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Mộng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mộng T chịu: 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng; ông Tôn Hòa A chịu 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện chịu thay cho ông Tôn Hòa A nên bà Nguyễn Thị Mộng T chịu: 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng. Số tiền trên được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp là: 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026230 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị Mộng T còn phải nộp số tiền: 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Lưu; VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Khê

